

Hợp tác giải quyết xung đột biển Đông hiện nay - một số gợi ý từ góc nhìn của Việt Nam

• **Trần Nam Tiến**

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Tranh chấp chủ quyền ở biển Đông là tranh chấp dài nhất, phức tạp nhất, trên vùng biển rộng lớn nhất, nhiều đảo nhất và liên quan đến nhiều bên nhất trong lịch sử các tranh chấp thế giới. Các sáng kiến, mô hình hợp tác song phương và đa phương này đã có tác dụng nhất định trong việc giảm căng thẳng, tăng cường hợp tác và khuyến khích đối thoại giữa các bên có liên quan, tuy nhiên ở một mức độ nào đó vẫn chưa giải quyết triệt để các vấn đề đặt ra. Trước thực trạng trên, các quốc gia xung quanh biển Đông, đặc biệt là các quốc gia có yêu sách trong vùng tranh chấp lãnh thổ trên biển tại đây

vẫn tiếp tục nỗ lực tìm kiếm và xây dựng, thực hiện các hoạt động hợp tác. Từ nhận thức trên, bài viết mong muốn tiếp cận những mô hình hợp tác đang có ở khu vực biển Đông, đánh giá những ưu điểm và hạn chế của các mô hình này, từ đó đề xuất ra một số mô hình hợp tác mới nhằm tăng cường hiệu quả hợp tác và tránh những xung đột, hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra ở khu vực biển Đông. Tất cả những mô hình này được xây dựng từ góc nhìn của Việt Nam, dựa trên lợi ích cơ bản của Việt Nam, bên cạnh đó có tham khảo và dung hòa lợi ích của các nước có liên quan trong khu vực.

Từ khóa: Biển Đông, xung đột, hợp tác

1. Vài nét về biển Đông và cơ sở xung đột biển Đông

Biển Đông là một biển nửa kín và là một trong những khu vực chiến lược quan trọng bậc nhất trên thế giới, có diện tích bề mặt khoảng 1.148.500 hải lý vuông (tương đương 3.939.245 km²). Vùng biển này trải rộng từ khoảng vĩ tuyến 3° Nam tới vĩ tuyến 23° Bắc và được bờ biển của các nước Trung Quốc (bao gồm cả lãnh thổ Đài Loan), Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Indonesia, Brunei, Philippines bao bọc xung quanh. Với hệ thống các đảo và quần đảo phong phú, biển Đông được

nối thông với biển Hoa Đông của Trung Quốc và biển Nhật Bản (qua eo biển Đài Loan), thông với Thái Bình Dương qua các biển đảo của Philippines và thông với Ấn Độ Dương qua eo biển Malacca. Xung quanh biển Đông có rất nhiều vịnh quan trọng như vịnh Bắc bộ, vịnh Thái Lan, vịnh Subic, vịnh Manila với nhiều cảng nước sâu v.v...

Với những đặc điểm trên, biển Đông trở thành nơi xuyên qua của các luồng thương mại hàng hải và hàng không quốc tế, nối liền các nước Đông Bắc Á với Đông Nam Á và là đường hàng hải ngắn nhất nối Thái Bình Dương với Ấn Độ

Dương. Trong số 10 tuyến đường hàng hải chính trên thế giới thì 5 tuyến đi qua khu vực Biển Đông. Hơn 90% thương mại quốc tế được vận chuyển bằng đường biển, trong đó 45% đi qua biển Đông. Trung bình một năm có khoảng hơn 41.000 lượt tàu biển qua lại khu vực này. Các tàu chở dầu đi qua eo biển Malacca (nằm ở cuối phía Tây Nam của biển Đông) nhiều gấp ba lần so với lượng tàu chở dầu đi qua kênh đào Suez, và nhiều gấp năm lần so với lượng tàu qua kênh đào Panama¹. Theo ước tính, có khoảng 80% lượng dầu thô nhập khẩu của Trung Quốc, 60% của Nhật Bản và 66% của Hàn Quốc đi qua biển Đông; Có tới 42% hàng xuất khẩu của Nhật Bản, 55% hàng xuất khẩu của các nước Đông Nam Á, 26% hàng xuất khẩu của các nước công nghiệp mới và 40% hàng của Australia cũng đi qua vùng biển này. Đối với Việt Nam, hơn 95% hàng xuất khẩu thông qua đường biển. Có thể nói, biển Đông đã trở thành “van điều tiết” dòng chảy thương mại, đặc biệt là vận chuyển dầu hỏa giữa các nước Trung Đông và châu Phi và các nền kinh tế ở Đông Á².

Vùng biển này còn là khu vực cung cấp nguồn hải sản quan trọng cho các đội tàu đánh cá của Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Campuchia, Indonesia, Malaysia, Brunei, Singapore và Thái Lan. Ngoài ra, dưới đáy biển còn có khá nhiều kim loại quý hiếm như Coban, Mangan. Về hải sản, có trên 100 loài cá có giá trị kinh tế cao và có khả năng khai thác với số lượng lớn. Hiện nay, sản lượng đánh bắt cá tại vùng biển này chiếm khoảng 7-8% của cả thế giới. Biển Đông cũng là một khu vực giàu tài nguyên

gồm cả nguồn hải sản và tiềm năng dầu khí. Các chuyên gia Trung Quốc ước tính là khu vực này chứa khoảng 225 tỷ barrels dầu mỏ và khí đốt thiên nhiên³. Hơn nữa, vùng biển Đông còn có một lượng khí đông băng lớn, tương đương với lượng dự trữ dầu khí trên. Với công nghệ khai thác dầu khí như hiện nay, với những tiềm năng rất lớn về dầu khí trên các thềm lục địa (continental shelf) và các khu vực biển khác thì biển Đông sẽ thực sự là một khu vực chiến lược quan trọng đối với bất cứ quốc gia nào trong khu vực.

Chiếu theo những quy định của Công ước về Luật biển năm 1982 của Liên Hợp Quốc thì biển Đông là một khu vực đặc thù, chứa đựng tất cả các nội dung có liên quan như quy định về quốc gia ven biển, quốc gia quần đảo, nước không có biển, nước bất lợi về mặt địa lý, các vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia, vùng nước lịch sử, phân định biển, an toàn hàng hải v.v... Đặc biệt, những vấn đề liên quan đến thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế trong Công ước về Luật biển năm 1982 của Liên Hợp Quốc đã làm cho biển Đông trở thành vùng biển được bao phủ bởi các vùng thuộc chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của các nước ven biển Đông. Điều này khiến cho khoảng cách về biên giới một số quốc gia trong khu vực trước đây là xa xôi, cách trở thì nay trở thành các quốc gia cùng chia sẻ đường biên giới biển chung. Trên cơ sở đó, biển Đông đã trở thành một biển chứa đựng những tranh chấp có mức độ phức tạp bậc nhất trên thế giới. Cuộc tranh chấp tại biển Đông về mặt pháp lý chủ yếu xoay quanh những tranh chấp về chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán với các khu vực trên biển Đông.

Hiện tại có sáu quốc gia và vùng lãnh thổ cùng yêu sách danh nghĩa (tuyên bố chủ quyền) đối

¹ Christopher C. Joyner, “Toward a Spratly Resource Development Authority: Precursor Agreements and Confidence Building Measures”, ed. Myron H. Norquist and John Norton Moore, *Security Flashpoints: Oil, Islands, Sea Access and Military Confrontation* (1997).

² Annual Report to Congress, Military Power of People's Republic of China, Office of the Secretary of Defense, Department of Defence, United States of America, (2009), p .4.

³ Bruce and Jean Blanche, “Oil and Regional Stability in the South China Sea”, *Jane's Intelligence Review* 7, No. 11 (November 1, 1995) (1995), pp. 511-514.

với các quần đảo của biển Đông. Trong số các quốc gia có yêu sách này, ba quốc gia Trung Quốc, Việt Nam và Philippines có yêu sách nhiều nhất trong khu vực biển Đông. Trung Quốc yêu sách chủ quyền của họ gần như đối với toàn bộ biển Đông⁴. Trước đó, năm 1974, Trung Quốc lợi dụng tình trạng chiến tranh ở Việt Nam, đã cho các lực lượng quân sự chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa và đặt sự hiện diện về quân sự của họ ở đây cho đến nay. Hiện nay, Trung Quốc yêu sách về chủ quyền đối với toàn bộ quần đảo Trường Sa (mà Trung Quốc gọi là Nam Sa) và đã dùng lực lượng quân sự chiếm nhiều đảo thuộc quần đảo này⁵. Thêm vào đó Trung Quốc còn tuyên bố chủ quyền đối với quần đảo Pratas⁶. Cũng cần nói thêm, Đài Loan cũng có yêu sách về chủ quyền đối với các khu vực trên biển Đông tương tự như yêu sách của Trung Quốc⁷. Trong khi đó, Philippines có yêu sách hầu hết quần đảo Trường Sa, nhưng không yêu sách chính đảo Trường Sa. Philippines cũng yêu sách về vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của họ trên khu vực biển

Đông⁸. Việt Nam có chủ quyền trên toàn bộ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, và quyền tài phán đối với vùng đặc quyền kinh tế cũng như quyền chủ quyền đối với thềm lục địa của Việt Nam trên biển Đông. Từ những cơ sở yêu sách của các nước nêu trên, nhiều cuộc xung đột, có lúc là xung đột vũ trang đã diễn ra giữa các bên khiến tình trạng căng thẳng ở biển Đông dâng cao.

Vào cuối thập niên 1990, tình hình biển Đông được cải thiện theo hướng hòa dịu, nhất là sau khi Trung Quốc ký Hiệp định phân định ranh giới trong Vịnh Bắc bộ với Việt Nam vào năm 2000 và Tuyên bố chung về ứng xử của các bên tại Biển Đông (DOC) với ASEAN vào năm 2002. Trong nửa thập niên đầu thế kỷ XXI, do nhu cầu phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Trung Quốc và ASEAN cũng như một số lý do chủ quan của các bên, tranh chấp biển Đông giữa các nước liên quan đòi chủ quyền có phần lắng dịu. Trung Quốc, một mặt, tăng cường hiện đại hóa hải quân và các lực lượng chấp pháp biển, hoàn thiện chiến lược biển, hệ thống pháp luật, thể chế quản lý và bảo vệ biển; mặt khác, nhất quyết thực hiện “hai không” - không quốc tế hóa, không đa phương hóa tranh chấp, chỉ đàm phán song phương nhằm khoét sâu vào sự khác biệt về lợi ích giữa các thành viên ASEAN, tìm cách “gác lại tranh chấp, cùng nhau khai thác”⁹. Trong việc giải quyết các tranh chấp, Trung Quốc kiên quyết bác bỏ đàm phán đa phương, đòi đàm phán song phương với từng quốc gia có yêu sách.

Tuy nhiên, từ năm 2007 cho tới nay, tình hình biển Đông lại trở nên căng thẳng với sự gia tăng các hoạt động gây ảnh hưởng của Trung Quốc. Vào tháng 5-2009, Trung Quốc chính thức gửi lên Ủy ban Liên Hợp Quốc về Ranh giới thềm

⁴ Từ cuối năm 1947, chính quyền Trung Hoa Dân Quốc coi vùng biển này nằm trong đường biên giới “lưỡi bò” là vùng nước lịch sử do họ đơn phương tuyên bố sở hữu. Từ sau năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa cũng có những tuyên bố tương tự. Đặc biệt, với công hàm ngày 7/5/2009 có kèm bản đồ đường chữ U, Trung Quốc đã cố tình buộc cộng đồng quốc tế phải thừa nhận “Biển Đông như một vịnh lịch sử”, là đường biên giới quốc gia trên biển của Trung Quốc. Trung Quốc cũng rất khéo kết hợp con đường này với các khái niệm đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của luật biển quốc tế hiện đại bằng tuyên bố dưới dạng Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi với các vùng nước phụ cận của quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Với yêu sách “Đường lưỡi bò”, Trung Quốc có tham vọng biển toàn bộ Biển Đông sẽ trở thành ao hồ của Trung Quốc.

⁵ Vào tháng 3-1988, Trung Quốc đã dùng vũ lực, chiếm đóng trái phép bãi Đá Chữ Thập và Đá Gaven cùng với một số bãi đá ngầm ở quần đảo này. Đến năm 1992, Trung Quốc lại chiếm thêm Bãi Vạn An trên thềm lục địa của Việt Nam. Vào tháng 2-1995, Trung Quốc bí mật chiếm bãi đá thuộc nhóm đảo Vành Khăn (Mischief Reef) do Philippines quản lý.

⁶ Ralf Emmers, “Maritime disputes in the South China Sea Strategic and diplomatic status quo”, in *Maritime Security in Southeast Asia*, Routledge Security in Asia Series (2007), pp. 49-61.

⁷ Mark J. Valencia, John M. Van Dyke, and Noel A. Ludwig, *Sharing the resources of the South China Sea*, Martinus Nijhoff Publishers (1997), p. 30.

⁸ Daniel Dzurek, “The Spratly Islands Dispute: Who’s on first?”, *International Boundary Research Unit*, *Maritime Brief*, Volume 2, Number 1 (1996), p. 22.

⁹ Đặng Xuân Thanh, “Tình hình chiến lược Biển Đông”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 3 (86) (2011), tr. 140.

lục địa (CLCS) “Báo cáo về thềm lục địa mở rộng ngoài 200 hải lý của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa”, trong đó có kèm theo một bản đồ “hình lưới bò” (đường chữ U) 9 đoạn và cho rằng “Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với các quần đảo ở biển Nam Trung Hoa (Biển Đông) và có quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng nước liên quan cũng như đáy biển và lòng đất dưới đáy biển”¹⁰. Với tuyên bố coi biển Đông là một phần của “lợi ích cốt lõi” của mình¹¹, Trung Quốc đã thể hiện rõ tham vọng muốn độc chiếm biển Đông riêng cho mình. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng tăng cường sử dụng các biện pháp, hoạt động khác để hỗ trợ cho mục tiêu xác lập “chủ quyền” của họ như tiến hành chấp pháp tại các khu vực tranh chấp, gây sức ép một số công ty đa quốc gia đang hợp tác thăm dò và khai thác dầu khí với Việt Nam và Philippines, tiến hành nhiều cuộc tập trận với quy mô lớn trên biển Đông, thực hiện lệnh cấm bắt cá hàng năm và quấy nhiễu ngư dân các nước hoạt động hợp pháp trên vùng biển của mình v.v... Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng đẩy mạnh hiện đại hóa hải quân, không quân, xây dựng các cơ sở quân sự lớn ở Đảo Hải Nam, và đặc biệt không ngần ngại “xung đột” với các cường quốc khác xuất hiện ở biển Đông, rõ nhất là với Mỹ.

Trong quan hệ song phương với các nước có tranh chấp ở biển Đông, Trung Quốc luôn dùng “sức mạnh” để trấn áp và đe dọa các quốc gia này. Diễn hình như trong cuộc tranh chấp bãi cạn

Scarborough/ Hoàng Nham với Philippines từ tháng 4-2012, Trung Quốc cũng đã dùng “vị thế quốc tế” của mình để bác bỏ đề nghị của Philippines đưa vấn đề tranh chấp này ra phán xét tại tòa án quốc tế. Ngày 21/6 vừa qua, khi Quốc hội Việt Nam thông qua Luật Biển, Trung Quốc đã lên tiếng phản đối gay gắt. Thậm chí, gần đây, Trung Quốc ngang nhiên có nhiều hành động xâm phạm trực tiếp vào lãnh thổ của các quốc gia có chủ quyền ở biển Đông. Cụ thể, chỉ trong thời gian ngắn, Trung Quốc đã tuyên bố thành lập “thành phố Tam Sa” với phạm vi quản lý bao gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam; việc Tổng công ty Dầu khí Hải Dương Trung Quốc (CNOOC) tuyên bố mời thầu tại 9 lô dầu khí nằm hoàn toàn trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam; và sự xuất hiện diễn tập của các tàu hải giám Trung Quốc, sau đó là 30 tàu đánh cá của Trung Quốc dưới sự hộ tống của các tàu hải giám đã ngang nhiên vào đánh cá ở khu vực thuộc quần đảo Trường Sa, vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam.

Một điều đáng chú ý là trong khi luôn dùng “sức mạnh”, sự cứng rắn để ứng xử với các nước có tranh chấp ở biển Đông, Trung Quốc lại tỏ ra khá mềm dẻo đối với bên ngoài, đặc biệt là khi hiện diện ở các diễn đàn quốc tế. Tại Đối thoại Shangri-La (Đối thoại an ninh cấp cao châu Á - Thái Bình Dương) năm nay, phía Trung Quốc chỉ cử Trung tướng Nhiệm Hải Tuyên, Phó Giám đốc Viện Khoa học Quân sự Trung Quốc đến tham dự. Trong suốt Hội nghị, phía Trung Quốc đã không đưa ra bất kỳ tuyên bố gây chú ý nào tại cuộc họp, mặc dù Shangri-La 2012 diễn ra trong thời điểm biển Đông đang có nhiều diễn biến phức tạp mà nguyên nhân chủ yếu là từ phía Trung Quốc. Trong khi đó, giới lãnh đạo Trung Quốc thường xuyên đưa ra những tuyên bố mang tính chất “hòa bình”, rằng sự phát triển của Trung Quốc “phù hợp với xu thế thời đại”, “không gây mất ổn định và phương hại đến quyền lợi của các nước trong khu vực”. Tuy nhiên, trái với những

¹⁰ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Công hàm gửi Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, New York, ngày 7/5/2009.

¹¹ Cụm từ “Lợi ích cốt lõi” được các quan chức, học giả và giới báo chí Trung Quốc sử dụng nhiều lần trong khoảng gần một thập niên qua nhằm khẳng định chủ quyền đối với các “vùng lãnh thổ” của Trung Quốc như Đài Loan, Tây Tạng và Tân Cương khi các thực thể này có hành động đòi ly khai và gần đây là Biển Đông. Từ năm 2010, do gặp phải sự phản đối kịch liệt của cộng đồng quốc tế, Trung Quốc đã cấm các cơ quan thông tấn nhà nước viết về chủ đề này. Tuy không có lãnh đạo cũng như văn kiện chính thức nào của Nhà nước Trung Quốc tuyên bố rõ ràng điều này, song họ cũng không phủ nhận điều đó. Xem “Nguồn gốc cụm từ ‘Lợi ích Cốt lõi’ của Trung Quốc”, Tuan Vietnam.net, <http://vietnamweek.net>, ngày 10/1/2011.

tuyên bố về hòa bình, các tàu kể cả của chính phủ lẫn tàu cá dân sự Trung Quốc lại có nhiều hành động gây hấn với các nước láng giềng. Điều này thực sự làm cho hình ảnh của Trung Quốc trên trường quốc tế ngày càng xấu đi. Trong tất cả những vấn đề liên quan tới tranh chấp chủ quyền tại biển Đông, Trung Quốc luôn thể hiện quan điểm muốn “đàm phán hòa bình”, nhưng là song phương với các nước liên quan, thay vì đối thoại đa phương. Trước dư luận quốc tế, Trung Quốc tỏ ý sẵn sàng trao đổi với khối ASEAN về một bộ quy tắc ứng xử trên biển Đông nhằm giảm các căng thẳng, nhưng lại cho rằng bất cứ thỏa thuận nào cũng sẽ không thể được sử dụng để giải quyết các tuyên bố chủ quyền chồng lấn. “Chúng ta đang chứng kiến sự gia tăng các vụ việc quấy rối ngư dân trong vùng nước tranh chấp, điều đó có thể dẫn đến những vấn đề lớn hơn trong tranh chấp lãnh thổ”¹², Stephanie Kleine-Ahlbradt, một chuyên gia phân tích Trung Quốc thuộc ICG, tổ chức chuyên hoạt động nhằm giảm thiểu các nguy cơ xung đột trên thế giới, bình luận. Với những động thái trên, các nhà quan sát cho rằng Trung Quốc đang dần “hiện thực hóa” tuyên bố chủ quyền “lưỡi bò” phi lý của họ, bước đầu là sử dụng “lực lượng mềm” như ngư dân, du lịch, sau đó có thể là “lực lượng cứng” nếu các nước tranh chấp không kiểm chế, nhất là khi làn sóng dân tộc chủ nghĩa đang nóng lên trong khu vực. Mặt khác, những hành động này của Trung Quốc không chỉ làm cho các nước trong khu vực lo ngại, mà còn kích thích sự can dự của nhiều nước ngoài khu vực, nhất là Mỹ, nước có lợi ích chiến lược và tham vọng địa chính trị tại khu vực này. Điều này không chỉ tác động tiêu cực đến môi trường an ninh và hợp tác, nhất là đến quá trình liên kết Đông Á, gây lo ngại cho nhiều nước Đông Nam Á, mà còn làm tổn hại đến chiến lược

“phát triển hòa bình” của Trung Quốc và chính hình ảnh “hòa bình và thân thiện” mà Trung Quốc đã xây dựng trong thời gian qua.

Nhìn chung, những tranh chấp, mâu thuẫn tại biển Đông phức tạp bởi những yếu sách về chủ quyền đối với các khu vực chồng lấn. Tính phức tạp của xung đột này được quy định bởi sự đa dạng về đối tượng tranh chấp, chủ thể tham gia và mức độ đối nghịch khác nhau trong từng loại hình mâu thuẫn. Các đối tượng tranh chấp chính ở biển Đông là lãnh thổ, an ninh và kinh tế. Trong mỗi đối tượng, có những chủ thể tham gia lại khác nhau. Mức độ mâu thuẫn cũng khác nhau, khi đối tượng tranh chấp càng quan trọng, mâu thuẫn khả năng càng sâu sắc. Hơn nữa, mỗi loại đối tượng tranh chấp đều có những đặc thù riêng nên cũng đòi hỏi những cách thức và cơ chế giải quyết khác nhau. Lẽ dĩ nhiên, sự phân chia như vậy chỉ là tương đối do ba đối tượng này đều liên quan chặt chẽ với nhau¹³. Chính sự liên quan này khiến cho các mâu thuẫn giằng chéo với nhau. Nhìn rộng ra, bản chất của việc tranh chấp các quần đảo này không chỉ đơn giản dừng bước ở chủ quyền mà theo quy định của Công ước Luật biển năm 1982 của Liên Hợp Quốc thì các quốc gia có chủ quyền với một hòn đảo¹⁴ sẽ được phép thiết lập một vùng lãnh hải rộng 12 hải lý và một vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) rộng 200 hải lý xung quanh hòn đảo đó. Và như vậy, lãnh thổ của quốc gia đó sẽ được mở rộng thêm rất nhiều trên biển. Trên thực tế, tranh chấp của các nước ở biển Đông không chỉ đơn thuần là tranh chấp về mặt luật pháp quốc tế về biên giới biển mà hơn thế nữa nó còn được đan xen với những lợi ích về địa – chính trị, về kiểm soát con đường vận tải biển chiến lược, và về khai thác các

¹² Dẫn theo Nhật Nam, “Trung Quốc mưu đồ thôn tính biển Đông như thế nào”. <http://vnexpress.net/gl/the-gioi/phan-tich/2012/07/trung-quoc-muu-do-thau-tom-bien-dong-nhu-the-nao/>

¹³ Xem Hoàng Khắc Nam, “Hệ thống xung đột quốc tế ở Biển Đông: Thực trạng và triển vọng”, Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 6 (2011), tr. 75-84.

¹⁴ Jing-dong Yuan, China-ASEAN Relations: Perspectives, Prospects and Implications for U.S. Interests, October 2006. <http://www.StrategicStudiesInstitute.army.mil/>

nguồn tài nguyên biển, đặc biệt là dầu mỏ. Sự phức tạp của các mâu thuẫn này còn tăng lên bởi những yếu tố như lịch sử và tâm lý. Mặt khác, xung đột và chia rẽ kéo dài trong khu vực, ý thức chủ quyền và tinh thần dân tộc mạnh mẽ, truyền thống đấu tranh lớn hơn hợp tác, sự thù hằn lịch sử và định kiến dân tộc, sự “ghét cái thái độ”, sự nghi ngờ lẫn nhau... đều đang làm xung đột thêm phần sâu sắc. Nhìn chung, các cuộc tranh chấp và xung đột diễn ra trên biển Đông đã gây ảnh hưởng rất lớn đối với các bên liên quan và thêm nữa nó còn ảnh hưởng đến lợi ích của các nước khác, ảnh hưởng đến hòa bình, ổn định và sự hợp tác phát triển trong khu vực cũng như trên phạm vi thế giới.

2. Quá trình hợp tác giải quyết xung đột ở biển Đông nhìn từ các mô hình giải pháp

2.1. Những nỗ lực của ASEAN trong việc tìm kiếm giải pháp giải quyết xung đột ở biển Đông

Đối với các nước thuộc ASEAN, tranh chấp biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích an ninh và phát triển của mỗi thành viên và cả tổ chức này dưới tư cách là Cộng đồng khu vực - trung tâm kết nối, kiến tạo một cấu trúc an ninh mới ở châu Á-Thái Bình Dương. Có thể thấy, ngay từ khi thành lập, ASEAN đã có ý tưởng tạo dựng một môi trường hòa bình, ổn định, phát triển và trung lập ở Đông Nam Á. Điều này được thể hiện rõ nét từ Tuyên bố về Khu vực Hòa bình, Tự do và Trung lập (ZOPFAN) năm 1971 cho đến bản Hiến chương ASEAN được ký kết vào năm 2007, bắt đầu có hiệu lực vào năm 2008. Năm 1976, ASEAN đã ra Tuyên bố về sự hòa hợp ASEAN (hay còn gọi là Tuyên bố Bali I) thể hiện quyết tâm hợp tác khu vực, đồng thời gửi đi tín hiệu thân thiện, hợp tác với các quốc gia khác trong khu vực thông qua Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác Đông Nam Á (TAC), kêu gọi các quốc gia trong khu vực cùng hợp tác vì hòa bình, an ninh chung của khu vực, giải quyết xung đột, tranh chấp bằng đàm phán hòa bình. Năm 1993,

Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) ra đời cho thấy những nỗ lực rất lớn của ASEAN trong việc thúc đẩy hợp tác, hòa bình và phát triển ở khu vực. Bên cạnh đó, việc ngăn ngừa, hòa giải và quản lý xung đột là một trong những nội dung, thành tố quan trọng cấu thành Cộng đồng chính trị, an ninh ASEAN (APSC). Đối với vấn đề xung đột biển Đông, ASEAN cũng như nhiều nước thành viên đã có những động thái phản ứng khá tích cực. Trước sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc vào cuối những năm 80 cùng với việc Liên Xô và Mỹ giảm dần ảnh hưởng của mình ra khỏi biển Đông vào đầu những năm 90 thế kỷ XX, ASEAN đã thông qua “Tuyên bố ASEAN về biển Đông” vào năm 1992, trong đó nhấn mạnh rằng “*mọi diễn biến bất lợi ở biển Đông ảnh hưởng trực tiếp đến hòa bình và ổn định của khu vực*”¹⁵. Đến năm 1995, sau khi Trung Quốc cho quân chiếm một số bãi đá thuộc dãy đảo Vành Khăn, ASEAN đã phản ứng một cách quyết liệt và tuyên bố rằng, “*ASEAN sẽ tìm kiếm một giải pháp sớm và hòa bình cho tranh chấp biển Đông và sẽ tiếp tục tìm kiếm các biện pháp và cách thức để ngăn ngừa xung đột và thúc đẩy hợp tác ở biển Đông*”¹⁶.

Có thể nói, từ đầu thập niên 1990, ASEAN đã nỗ lực đóng một vai trò tích cực trong việc giải quyết tranh chấp tại biển Đông. Các nhà lãnh đạo ASEAN bắt đầu tìm kiếm các cách thức giải quyết hòa bình cho xung đột biển Đông tại Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF - diễn đàn này bắt đầu từ năm 1994) và tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Trung Quốc (khởi động từ năm 1997). Đối thoại ASEAN - Trung Quốc đã đưa các bên tranh chấp (trừ Đài Loan) ngồi vào bàn đàm phán. Với vai trò hạt nhân của mình trong ARF, ASEAN đã thành công trong việc đưa vấn đề biển Đông vào chương trình nghị sự của diễn đàn

¹⁵ ASEAN Declaration on the South China Sea, 1992. <http://www.aseansec.org/1196.htm>

¹⁶ Bangkok Summit Declaration, 1995. <http://www.aseansec.org/5189.htm>

mang tính đa phương này, bất chấp sự phản đối ban đầu của Trung Quốc. Tuy nhiên, do có bốn thành viên của ASEAN là Việt Nam, Brunei, Malaysia và Philippines đều tuyên bố chủ quyền với một phần hoặc toàn bộ quần đảo Trường Sa, nên Hiệp hội không thể đóng vai trò là bên thứ ba trung gian giữa Trung Quốc và các bên tranh chấp khác. ASEAN đã lên kế hoạch cho Bộ quy tắc ứng xử khu vực tại biển Đông (viết tắt – COC) để ngăn chặn các yêu sách của Trung Quốc tại biển Đông. ASEAN và Trung Quốc đã thành lập Nhóm hành động chung nhằm soạn thảo Bộ quy tắc ứng xử tại biển Đông (COC), bắt đầu làm việc từ 15-3-2000. Thách thức đặt ra là làm sao dung hòa lập trường của ASEAN và Trung Quốc đối với cơ chế giải quyết tranh chấp này. Ngay cả việc đạt được sự đồng thuận trong nội khối ASEAN cũng gặp nhiều khó khăn.

Các nước ASEAN đã đàm phán với Trung Quốc trong nhiều năm và cuối cùng các bên cũng đi tới ký kết Tuyên bố về cách ứng xử của các bên tại biển Đông (viết tắt: DOC) tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN – Trung Quốc vào ngày 4-11-2002. Tuyên bố nhấn mạnh sự cần thiết giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực. Các bên tranh chấp cần kiềm chế để tạo ra môi trường tin cậy hướng đến việc giải quyết triệt để tranh chấp tại khu vực. Đáng chú ý, văn kiện xác định cụm 3 nguyên tắc: “(3) Các bên khẳng định lại sự tôn trọng và cam kết của mình đối với quyền tự do hàng hải và quyền tự do bay ngang qua vùng trời phía trên biển Đông như đã được quy định bởi các nguyên tắc phổ cập của luật pháp quốc tế, kể cả Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982. (4) Các bên liên quan cam kết giải quyết những tranh chấp lãnh thổ và quyền tài phán bằng các biện pháp hòa bình, không đe dọa sử dụng hay sử dụng vũ lực, thông qua tham khảo ý kiến và thương lượng hữu nghị giữa các quốc gia có chủ quyền trực tiếp liên quan, phù hợp với các nguyên tắc phổ cập của luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên

hợp quốc về Luật biển năm 1982. (5) Các bên liên quan cam kết tự kiềm chế không tiến hành các hoạt động làm phức tạp hoặc gia tăng các tranh chấp và ảnh hưởng tới hòa bình và ổn định, kể cả không tiến hành các hoạt động đưa người đến sinh sống trên các đảo, bãi đá ngầm, bãi cát ngầm, dải đá ngầm và những cấu trúc khác hiện chưa có người sinh sống và xử lý các bất đồng một cách xây dựng”. Tuyên bố cũng xác định, “trong khi chờ đợi có giải pháp hòa bình cho các tranh chấp lãnh thổ và quyền tài phán, các bên liên quan cam kết tăng cường các nỗ lực trên tinh thần hợp tác và hiểu biết nhằm thực hiện một số phương cách xây dựng sự tin cậy và lòng tin giữa các bên”.

Trên cơ sở những nỗ lực từ phía ASEAN, Trung Quốc đã tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ASEAN (TAC) vào ngày 8-10-2003, theo đó đồng thuận với quan điểm các tranh chấp cần phải được giải quyết một cách hòa bình. Cùng ngày, một “kế hoạch tổng thể” nhằm tăng cường và mở rộng quan hệ ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2005-2010 đã được ASEAN thông qua, trong đó đã đề xuất các cách khác nhau để thực thi DOC; một trong số đó là thông qua các cuộc họp định kỳ Quan chức cấp cao[SOM] ASEAN – Trung Quốc, một cách khác là thành lập nhóm công tác để dự thảo các kiến nghị cho việc thực thi DOC và đưa ra các nguyên tắc chính sách cho SOM ASEAN – Trung Quốc.¹⁷ Vào tháng 12/2004 các quan chức cấp cao ASEAN Trung Quốc đã quyết định thành lập Nhóm Công tác chung ASEAN – Trung Quốc về việc Thực thi DOC [ASEAN-China JWG]. Các bên cũng đã nhất trí về việc hướng tới một bộ quy tắc ứng xử. Năm 2005, nhóm JWG đã họp lần đầu tại Manila (Philippines), và đến năm 2011, nhóm này đã họp sáu lần nhưng kết quả

¹⁷ Kế hoạch Hành động nhằm Thực thi Tuyên bố chung về Đối tác Chiến lược ASEAN – Trung Quốc vì Hòa bình và Thịnh vượng, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. <http://www.aseansec.org/16805.htm>

không khả quan. Về thực tế, ASEAN muốn ràng buộc Trung Quốc vào một bộ Quy tắc ứng xử chính thức (COC) để giảm thiểu số lượng các vụ va chạm ở Biển Đông và để ngăn chúng khỏi leo thang xung đột nếu có xảy ra. Tại Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) lần thứ 16, tháng 7-2009, phát biểu của Chủ tịch ASEAN đã chỉ ra rằng ASEAN sẽ “tiến hành ký kết các Nguyên tắc thực thi DOC” và các bên “hướng tới việc ký kết một bộ Quy tắc Ứng xử Khu vực trong tương lai”.¹⁸ Năm 2010, Tuyên bố của chủ tịch từ Diễn đàn ARF vào tháng 7/2010 ở Hà Nội đã chỉ ra rằng các thành viên “khuyến khích những nỗ lực để hướng tới việc thực thi đầy đủ Tuyên bố và hướng tới ký kết một bộ Quy tắc Ứng xử trong Khu vực.”¹⁹ Tuy nhiên, một khó khăn lớn là các bên vẫn chưa thống nhất được phạm vi khu vực mà bộ quy tắc sẽ được áp dụng. Trong đó, Việt Nam muốn thúc đẩy để có thể áp dụng với quần đảo Trường Sa, nhưng phía Trung Quốc đã phản đối.²⁰ Thực chất, Trung Quốc không muốn có một bộ quy tắc ứng xử mà qua đó sẽ hạn chế quyền tự do hành động của mình ở khu vực và có khả năng dẫn đến việc đàm phán song phương về vấn đề biển Đông.

Trước những căng thẳng trong khu vực, ngày 21-7-2011, tại Bali (Indonesia), trong khuôn khổ cuộc gặp cấp cao AMM-44, ASEAN và Trung Quốc đã đạt được Bản Quy tắc hướng dẫn thực hiện Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (gọi tắt Quy tắc Hướng dẫn DOC) gồm 8 điểm. Đây được xem là nỗ lực của các bên liên quan trong việc kiềm chế và quản lý các

tranh chấp trên biển Đông, đang trở nên căng thẳng. Cho đến nay, viết ký kết DOC vào năm 2002 giữa ASEAN với Trung Quốc là một cột mốc đáng ghi nhận và được xem là tiền đề tiến tới xây dựng COC. Nhưng trên thực tế, DOC không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp trên Biển Đông vì nó chỉ đưa ra các nguyên tắc có tính khuyến nghị nhưng không có tính ràng buộc và chế tài. Nó có vị trí nhất định trên con đường giải quyết vấn đề biển Đông, nhưng chưa bao giờ tạo ra đột phá để giải quyết cuộc xung đột tại vùng biển này. Về thực chất, Trung Quốc chấp thuận DOC để tạo bầu không khí thuận lợi nhằm thúc đẩy sự liên kết kinh tế Trung Quốc-ASEAN. Thậm chí, Trung Quốc sử dụng DOC như là phương tiện “câu giờ” để một mặt, tăng cường hiện đại hóa hải quân và các lực lượng chấp pháp biển, hoàn thiện chiến lược biển, hệ thống pháp luật, thể chế quản lý và bảo vệ biển; mặt khác, nhất quyết thực hiện “hai không” - không quốc tế hóa, không đa phương hóa tranh chấp, chỉ đàm phán song phương nhằm khoét sâu vào sự khác biệt về lợi ích giữa các thành viên ASEAN, tìm cách “gác lại tranh chấp, cùng nhau khai thác”. Thực tế đó cho thấy trong gần một thập niên sau năm 2002, tiến trình đàm phán ASEAN-Trung Quốc về việc nâng cấp DOC thành bộ quy tắc ứng xử (COC) hầu như dậm chân tại chỗ, khuôn khổ an ninh biển Đông không được cải thiện, trở nên lỗi thời, tụt hậu so với tương quan quyền lực ngày càng ngả về Trung Quốc. Nguy cơ mất cân bằng chiến lược và giảm sút lòng tin buộc các nước còn lại phải tăng cường tiềm lực quốc phòng, đẩy mạnh thực thi chủ quyền trên biển, thực hiện ngoại giao phòng ngừa và tìm kiếm các quan hệ đối trọng. Một vòng xoáy “tiến thoái lưỡng nan về an ninh” (security dilemma) mới lại hình thành tại biển Đông. Điều nguy hiểm là vùng Át thấp này có xu hướng mạnh lên thành bão²¹.

¹⁸ Bài phát biểu của Chủ tịch, Diễn đàn Khu vực ASEAN lần thứ 16, 23/7/2009, Phuket, Thái Lan, Diễn đàn Khu vực ASEAN.

<http://www.aseanregionalforum.org/PublicLibrary/ARFChairmansStatementsandReports/tabid/66/Default.aspx>

¹⁹ Bài phát biểu của Chủ tịch, Diễn đàn Khu vực ASEAN lần thứ 17, 23/7/2010, Hà Nội, Việt Nam, Diễn đàn Khu vực ASEAN.

<http://www.aseanregionalforum.org/PublicLibrary/ARFChairmansStatementsandReports/tabid/66/Default.aspx>

²⁰ “China, ASEAN working on South China Sea code-Ambassador”, ABS CBN News, 1-10-2010.

²¹ Đặng Xuân Thanh, Tài liệu đã dẫn, tr. 140.

Cho đến nay, xung đột ở biển Đông vẫn rất căng thẳng cho thấy những nỗ lực của ASEAN trong ngăn ngừa, hòa giải tranh chấp ở biển Đông, tuy có những bước tiến và hiệu quả nhất định, nhưng chưa tương xứng với lợi ích và trách nhiệm của một trung tâm, động lực thúc đẩy hòa bình và hợp tác tại khu vực, một thành tố quan trọng cấu thành trật tự quyền lực tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Hơn nữa, đối với vấn đề biển Đông, ASEAN lại phải đối đầu với một cuộc “xung đột” khá phức tạp đến từ nội bộ các nước ASEAN, mà việc giải quyết không hề đơn giản. Trong nội bộ ASEAN có một số quốc gia không liên quan lợi ích trực tiếp đến khu vực biển Đông, bên cạnh đó, việc tiếp cận riêng rẽ về góc nhìn, dẫn đến riêng lẻ về phương thức hành động cũng khiến các nước ASEAN thiếu tiếng nói chung. Và ngay trong bản thân giữa các nước ASEAN với nhau vẫn tồn tại mâu thuẫn trong hồ sơ tranh chấp chủ quyền. Trước căng thẳng hiện nay tại biển Đông, Trung Quốc đã gián tiếp khiến nội bộ các nước ASEAN “không thống nhất”. Vấn đề cốt lõi của ASEAN và cơ chế hoạt động của tổ chức này là sự khác biệt giữa chủ quyền quốc gia và tính “ASEAN hóa” trong quá trình hình thành các quyết định dẫn đến một khác biệt trong việc thống nhất lập trường chung trong các vấn đề quan trọng, cụ thể là vấn đề biển Đông. Bên cạnh vấn đề “nội bộ”, việc Trung Quốc gây ảnh hưởng đến một số thành viên trong ASEAN cũng đã góp phần gây chia rẽ trong nội bộ ASEAN, và điều này càng ngày càng phát huy hiệu quả của nó. Và những gì lo ngại lâu nay đã phần nào đó trở thành sự thật tại Hội nghị cấp ngoại trưởng của ASEAN (AMM/MPC45) trong năm 2012. Lần đầu tiên trong 45 năm, hội nghị Ngoại trưởng ASEAN không đưa ra được một thông cáo chung vì bất đồng ý kiến giữa nước chủ nhà Campuchia và một số nước ASEAN khác. Sự kiện này không chỉ là cảnh báo về những bất đồng vẫn tồn tại, mà hơn thế nữa, nó cho thấy vấn đề cơ bản mang tính cốt lõi của

ASEAN, là mục đích của mọi quốc gia khi tham gia vào quan hệ quốc tế, trong một tổ chức mà lợi ích quốc gia và lợi ích tập thể đan xen với nhau. Có thể coi sự kiện này là một đòn đánh vào yếu tố “tinh thần ASEAN” vẫn được coi là sự tự hào của tổ chức này. Và thực tế, nếu bình tĩnh nhận thức, chúng ta có thể thấy Trung Quốc sẽ lợi dụng tình hình này để tiếp tục âm mưu đánh tráo mâu thuẫn giữa Trung Quốc với ASEAN về Biển Đông thành mâu thuẫn giữa một ASEAN biển đảo với một ASEAN lục địa về biển Đông và Trung Quốc sẽ hưởng lợi nhiều từ điều này.

Sau một số sóng gió, với nỗ lực ngoại giao con thoi của một số nước trong ASEAN, ngày 20-7-2012, thay mặt nước Chủ tịch ASEAN luân phiên đương nhiệm, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao và Hợp tác quốc tế Campuchia Hor Namhong đã công bố “Nguyên tắc 6 điểm của ASEAN về vấn đề biển Đông”. Các Ngoại trưởng ASEAN đã “nhắc lại và khẳng định cam kết của các nước thành viên ASEAN” nhằm “Thực hiện đầy đủ Tuyên bố của các bên về cách ứng xử (DOC) ở Biển Đông (2002); Hướng dẫn thực hiện DOC (2011); Sớm kết thúc Bộ luật ứng xử (COC) ở biển Đông; Hoàn toàn tôn trọng các nguyên tắc đã được thừa nhận của Luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Luật biển 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS); Tiếp tục tự kiểm chế và không sử dụng bạo lực giữa tất cả các bên; và các biện pháp hòa bình đối với các tranh chấp, theo nguyên tắc của luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Luật biển 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS)”²². Thông báo trên nhấn mạnh, các bộ trưởng Ngoại giao ASEAN “quyết tâm tăng cường tham vấn trong ASEAN nhằm thúc đẩy những nguyên tắc nói trên, nhất quán với Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác ở Đông Nam Á (1976) và Hiến chương ASEAN (2008)”. Động thái mới

²² ASEAN công bố «nguyên tắc 6 điểm về biển Đông». <http://baodientu.chinhphu.vn/Home/ASEAN-cong-bo-nguyen-tac-6-diem-ve-Bien-Dong/2012/7/144040.vgp>

nhất này được giới phân tích đánh giá là nỗ lực vượt bậc nhằm sửa chữa bất đồng dẫn tới một thất bại chưa từng có trong lịch sử 45 năm ASEAN, qua đó các nước ASEAN muốn thể hiện tiếp tục đoàn kết và duy trì vai trò trung tâm của mình trong các vấn đề khu vực, trong đó có vấn đề biển Đông. Mặc dù vậy, về mặt pháp lý thì ASEAN vẫn chưa đảm bảo sẽ có được tiếng nói chung sau sự cố ở hội nghị Ngoại trưởng ASEAN vừa rồi. Khác biệt góc nhìn và cách tiếp cận giữa các nước thành viên sẽ sớm được giải quyết vì sự giao thoa lợi ích trong sự phát triển chung của ASEAN, nhưng vấn đề lợi ích lâu dài của từng nước vẫn tiếp tục là một thách thức không nhỏ.

2.2. Các mô hình giải pháp “Hợp tác khai thác chung”

Mô hình giải pháp “*Hợp tác khai thác chung*” được nhắc tới khá nhiều từ các bên, được cho là khả thi nhất đối với các bên trong cuộc tranh chấp biển Đông này là phân định biển hoặc cùng nhau khai thác nguồn tài nguyên tại biển Đông. Nhiều quan điểm cho rằng, một khởi đầu tốt đó là việc thừa nhận biển Đông vừa là lợi ích chung, vừa là lãnh thổ chủ quyền. Sự diễn giải khác nhau của các quốc gia có liên quan là điều không thể tránh khỏi, vì vậy nhìn nhận thực tế về điều này chính là bước khởi đầu cần thiết để giảm bớt những căng thẳng. Xu hướng hiện nay cho thấy khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương sẽ là động lực chính trị và kinh tế của thế giới trong thế kỷ XXI. Biển Đông nối liền với Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Một nửa khối lượng vận chuyển toàn cầu đều đi qua điểm nút thắt cổ chai ở Eo biển Malacca phía tây nam Biển Đông. Nói tóm lại, biển Đông là sẽ là một phần thiết yếu trong lợi ích chung toàn cầu. Tuy nhiên Biển Đông cũng là vùng chủ quyền của các quốc gia trong khu vực. Do những thay đổi và sự phức tạp của lịch sử và luật quốc tế, việc phán xét quyền sở hữu chính xác đối với các vùng lãnh hải, các thực thể đảo, và các nguồn tài nguyên dưới đại

dương và đáy biển là vô cùng khó khăn. Không một quốc gia hay thể chế nào có thể áp đặt giải pháp. Cần phải có những giải pháp chung mang tính chia sẻ. Và đây được xem là cơ sở hình thành quan điểm “Hợp tác khai thác chung” biển Đông trên cơ sở thịnh vượng cho các quốc gia có liên quan ở vùng biển này.

Khai thác chung không phải là ý tưởng mới trong giải quyết các tranh chấp biển trên thế giới²³. Về đại thể, “Hợp tác khai thác chung” là một thỏa thuận giữa các quốc gia liên quan, nhằm chia sẻ tài nguyên trên các vùng biển chồng lấn. Cơ sở của các thỏa thuận này chính là chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên các vùng biển của quốc gia theo quy định của luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, thỏa thuận về khai thác chung phải được coi là “giải pháp tạm thời” nhằm giảm xung đột giữa các bên tranh chấp và chỉ nhằm mục đích phát triển nguồn tài nguyên, tuyệt đối không được làm ảnh hưởng tới yêu sách về chủ quyền lãnh thổ cũng như các quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển. Đây cũng được là vấn đề khá nhạy cảm trong vấn đề biển Đông khi áp dụng mô hình này. Trong thực tế, tại khu vực biển Đông, đã có nhiều hiệp định phân định biển được ký kết trên tinh thần “Hợp tác khai thác chung”. Việt Nam đã tiến hành phân định biển với hầu hết các nước láng giềng có chung biên giới biển, trong đó có thể kể tới Hiệp định phân định vịnh Bắc bộ giữa Việt Nam với

²³ Mô hình khai thác chung trên thế giới đã được thực hiện từ lâu, điển hình là Hiệp ước Svalbard ngày 19/12/1920, theo đó các bên tranh chấp công nhận chủ quyền của Na Uy đối với quần đảo Svalbard, trong khi duy trì quyền tiếp cận hiện hữu của các quốc gia khác đối với quần đảo này nhằm mục đích thực hiện việc khai thác, săn bắt và các hoạt động kinh tế khác. Kể từ khi Hiệp ước này ra đời, trên thế giới đã có khoảng 20 điều ước quốc tế về mô hình hợp tác khai thác chung được ký kết, ví dụ như Thỏa thuận khai thác chung giữa Papua New Guinea và Australia năm 1978, Na Uy và Anh ở biển Bắc, Arab Saudi và Sudan, Thailand và Malaysia, Australia và Indonesia, Việt Nam và Malaysia... Xem Hoàng Việt, “Giải pháp nào cho tranh chấp biển Đông?”, Tạp chí Thời đại mới, số 19, 7 (2010). http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai/19/201019_HoangViet.htm

Trung Quốc, Hiệp định hợp tác nghề cá ở vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam với Trung Quốc, Hiệp định phân định biển giữa Việt Nam với Thái Lan trong vịnh Thái Lan, Hiệp định về vùng nước lịch sử giữa Việt Nam và Campuchia, Hiệp định phân định thêm lục địa giữa Việt Nam và Indonesia, Thỏa thuận hợp tác khai thác chung Việt Nam – Malaysia về khu vực chồng lấn thêm lục địa. Tuy nhiên, vấn đề phân định biển không phải ở khu vực nào cũng có thể tiến hành một cách dễ dàng được vì gặp phải khó khăn ở vấn đề giải quyết chủ quyền. Vì thế, một giải pháp dễ chấp nhận hơn là các bên tranh chấp cùng “Hợp tác khai thác chung” vùng biển này trên cơ sở các bên cùng có lợi. Đã có nhiều đề nghị cho phương án hợp tác khai thác chung trên vùng biển tranh chấp này.

2.2.1. Mô hình “Chia sẻ tài nguyên biển Đông” (Sharing the Resources of the South China Sea)

Năm 1997, nhóm Mark J. Valencia, Van Dyke và Noel Ludwig của Đại học Hawaii (Mỹ) đã đưa ra ý tưởng “**Chia sẻ tài nguyên biển Đông**” nhằm giải quyết tranh chấp tại khu vực biển Đông, mà chủ yếu tập trung việc chia sẻ tài nguyên trong khu vực quần đảo Trường Sa – quần đảo đang có nhiều tranh chấp nhất. Nhóm học giả này cho rằng các nỗ lực giải quyết tranh chấp hiện tại đã lãng phí 2 vấn đề quan trọng: đó là chủ quyền lãnh thổ và khai thác tài nguyên thiên nhiên. Nhóm này đã đưa ra một cơ chế hợp tác đa phương tại khu vực tranh chấp với nguyên tắc: các tuyên bố về chủ quyền biển Đông đều được công nhận và giải pháp tạm thời không ảnh hưởng đến giải pháp cuối cùng, không có các hoạt động quân sự và tài nguyên thiên nhiên được khai thác và chia sẻ theo nguyên tắc bình đẳng và công bằng. Theo đó, các bên trong tranh chấp sẽ thiết lập một thể chế quản lý tài nguyên biển trong khu vực để tổ chức nghiên cứu, khảo sát đánh giá về tiềm năng dầu khí. Qua đó, các

bên sẽ xác định khu vực và phương thức hợp tác chung thông qua một cơ chế đa phương điều hành hoạt động khai thác chung và phân chia các nguồn lợi. Thành viên bao gồm tất cả các bên tranh chấp và không có tranh chấp; cơ chế ra quyết định là đồng thuận và nguyên tắc phân bổ tài nguyên phụ thuộc vào tuyên bố đòi hỏi của các bên có tính đến yếu tố lịch sử. Tuy nhiên, việc quyết định phân chia tài nguyên hay quyết định về nhượng quyền khai thác sẽ được các bên tranh chấp trực tiếp thông qua²⁴.

Trên cơ sở cơ chế nêu trên, nhóm Mark J. Valencia cũng đưa ra 5 cách chia sẻ trong việc khai thác tài nguyên tại biển Đông. Cụ thể là: (1) Toàn bộ biển Đông sẽ được chia dựa trên đường cách đều từ các đường cơ sở của các bên, bỏ qua sự hiện diện của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; (2) Phân chia biển Đông dựa trên đường cách đều tính từ các đường cơ sở, bỏ qua sự hiện diện của Trường Sa, nhưng trao cho Hoàng Sa toàn bộ hiệu lực như là lãnh thổ của Trung Quốc; (3) Phân chia biển Đông dựa trên “sự công bằng tương đối” và những mối quan ngại về địa chính trị. Trong đó, thực chất là sự phân chia dựa trên sức nặng của các tuyên bố chủ quyền, vị trí chiếm đóng các đảo và yêu sách về các thêm lục địa; (4) Các nước tự xác định ranh giới 200 hải lý tính từ đường cơ sở (với các đường cơ sở phải được xây dựng một cách hợp lý), ở những nơi có vùng chồng lấn thì sẽ chia theo đường cách đều các ranh giới 200 hải lý đó, bỏ qua sự hiện diện của Hoàng Sa và Trường Sa; (5) Tương tự như kịch bản (4) nhưng Hoàng Sa có đầy đủ hiệu lực và thuộc về lãnh thổ của Trung Quốc²⁵.

²⁴ Xem Hoàng Việt, Tài liệu đã dẫn. http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai19/201019_HoangViet.htm

²⁵ Mark J. Valencia - John M. Van Dyke - Noel A. Ludwig, *Sharing the resources of the South China Sea*, University of Hawaii's Press (1997), pp. 143-146.

Có thể thấy, tất cả các kịch bản phân chia nói trên đều giành nhiều lợi thế cho Trung Quốc. Theo mô hình này thì các bên tranh chấp đều phải tôn trọng và công nhận yêu sách của Trung Quốc trên toàn bộ biển Đông và có thể cùng khai thác chung các khu vực thềm lục địa của các nước khác. Điều này khiến cho mô hình này trở nên bất khả thi vì trên thực tế không một quốc gia tranh chấp nào chấp nhận từ bỏ chủ quyền của mình. Thêm nữa, việc phân chia này cũng rất phức tạp, trên thực tế cũng chẳng khác gì việc xác định chủ quyền trên quần đảo Trường Sa. Ngoài ra, việc phân chia này lại phụ thuộc vào “sức nặng chính trị” hay tính hợp lý của các yêu sách về chủ quyền.

2.2.2. Mô hình “Gác tranh chấp, cùng khai thác” của Trung Quốc

Có thể nói, biển Đông từ lâu đã có tầm quan trọng hết sức to lớn đối với Trung Quốc, đặc biệt ở thời điểm hiện nay, khi Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế thứ hai thế giới, đang trên đà phát triển mạnh. Không phải ngẫu nhiên mà các học giả Trung Quốc luôn nhấn mạnh rằng, biển Đông là “trục hai đại dương, là hòn đá tảng về sức mạnh biển, là đồng tiền sinh mệnh trên biển của Trung Quốc”²⁶. Nhu cầu bổ sung về dầu mỏ và sự phong phú về tài nguyên ở biển Đông cũng như mong muốn có một môi trường quốc tế thuận lợi hơn cho Trung Quốc hợp tác và phát triển cũng buộc Trung Quốc phải có những mô hình giải pháp để giải quyết vấn đề tranh chấp, xung đột ở biển Đông với các nước láng giềng ở khu vực Đông Nam Á. Thế nhưng, Trung Quốc với ưu thế quân sự và vị thế cường quốc hàng đầu của mình luôn bộc lộ ý định chống lại các cuộc đàm phán đa phương về vấn đề biển Đông.

Đối với vấn đề hợp tác ở biển Đông, Đặng Tiểu Bình từng đề xuất ý tưởng “*gác lại tranh*

chấp, cùng nhau khai thác”, được đưa ra lần đầu tại Tokyo (Nhật Bản) vào tháng 10-1982. Sau đó, tại kỳ họp Quốc hội Trung Quốc khóa 7 tháng 2-1992, Trung Quốc lại đưa ra chủ trương 16 chữ “chủ quyền thuộc ta, gác lại tranh chấp, cùng nhau khai thác, phân chia lợi ích”. Tuy nhiên, ý tưởng này chưa được các nước liên quan hưởng ứng một cách tích cực. Các nước Đông Nam Á có yêu sách đều là nước nhỏ, lo ngại 4 chữ đầu “chủ quyền thuộc ta” trong chủ trương 16 chữ. Sau đó phía Trung Quốc rút ngắn chủ trương 16 chữ lại thành 8 chữ là “gác lại tranh chấp, cùng nhau khai thác”. Nhìn chung, đây là một phương án được Trung Quốc đưa ra với quan điểm cùng hợp tác khai thác chung khu vực biển Đông. Về mặt hình thức, đề nghị này của Trung Quốc dường như là hợp lý, vì nó phù hợp với thực tiễn và luật pháp quốc tế, đặc biệt là xu hướng hợp tác trên biển ở các khu vực khác trên thế giới. Về mặt pháp lý, việc Trung Quốc sử dụng “đường lưỡi bò” với yêu sách phi lý chiếm gần 80% toàn bộ biển Đông khiến cho Trung Quốc hiểu rằng nếu đấu tranh trên mặt trận pháp lý, Trung Quốc khó có thể giành được lợi thế trong cuộc tranh chấp với các quốc gia khác, đặc biệt là những quốc gia có những bằng chứng pháp lý hiển nhiên về chủ quyền. Do đó, đề nghị “gác tranh chấp, cùng nhau khai thác” của Trung Quốc làm cho dư luận dễ bị lầm tưởng là phù hợp với luật pháp và thực tiễn quốc tế. Về mặt chính trị, nếu đề nghị “gác tranh chấp, cùng nhau khai thác” được thực hiện, Trung Quốc sẽ đạt được nhiều mục tiêu có lợi cho họ, trong đó họ có thể duy trì được yêu sách lãnh thổ và vùng biển không phải của Trung Quốc. Thực tế cho thấy, giải pháp nào có thiên hướng chính trị khôn khéo của Trung Quốc nhằm đều trăn an dư luận, mở rộng ảnh hưởng và chia rẽ các nước trong khu vực, đặc biệt là những nước không có những tranh chấp trực tiếp về lãnh thổ của Trung Quốc ở biển Đông.

²⁶ Xem thêm “Tầm quan trọng về vị trí chiến lược của Nam Hải - Địa Trung Hải của châu Á”, News.VI.CN, ngày 18/7/2011.

Trong thực tế, mặc dù đề nghị hợp tác khai thác chung, nhưng mặt khác Trung Quốc vẫn duy trì yêu sách các yêu sách lãnh thổ phi lý của mình ở biển Đông. Quan trọng hơn, phần lớn các khu vực mà Trung Quốc đề nghị khai thác chung đều nằm trên khu vực thềm lục địa hiển nhiên thuộc chủ quyền của nước khác. Thông qua ý đồ khai thác chung của mình, Trung Quốc cố tình buộc các nước khác tham gia khai thác hiểu là họ đang khai thác trên lãnh thổ của Trung Quốc. Đánh giá về mô hình “gác tranh chấp, cùng nhau khai thác” của Trung Quốc, nhóm Mark J. Valencia nhận xét: *“Một bài học khác có thể thu được từ phương pháp của Bắc Kinh trong các tranh chấp lãnh thổ khác đó là họ có thể sẵn sàng đàm phán và thậm chí tham gia vào một thỏa thuận khai thác chung (song phương) khi họ không nắm được quyền kiểm soát hoàn toàn lãnh thổ đang tranh chấp, ví dụ, quần đảo Trường Sa hay Điếu Ngư, ở biển Đông Trung Hoa. Mặt khác, nếu họ nắm quyền kiểm soát chắc chắn hoàn toàn khu vực, ví dụ quần đảo Hoàng Sa, họ sẽ không muốn đàm phán, chứ đừng nói tới việc tham gia vào bất kỳ một chương trình hợp tác nào”*²⁷. Bên cạnh đó, chủ trương đàm phán song phương với từng nước có tranh chấp và coi vấn đề biển Đông là vấn đề khu vực mà Trung Quốc đưa ra vốn không phù hợp với thực tiễn đan xen lợi ích và yêu sách của nhiều bên và cộng đồng quốc tế tại biển Đông đã làm cản trở những giải pháp của Trung Quốc đưa ra. Trong khi đó, các nước Đông Nam Á có tranh chấp, cũng như nhiều nước lớn khác đã đề xuất giải quyết vấn đề biển Đông bằng con đường đa phương và dựa trên luật pháp quốc tế, nhằm ràng buộc các hành vi của Trung Quốc. Điều này lại mâu thuẫn với chủ trương và mục tiêu của Trung Quốc là quản lý, kiểm soát khu vực biển Đông, điều mà không chỉ các nước có tranh chấp khó có thể chấp nhận được.

2.2.3. Mô hình “Hợp tác cùng phát triển” của Việt Nam

Với tư cách là một nước có tranh chấp chủ quyền ở biển Đông, Việt Nam cũng đưa ra một sáng kiến cho việc hợp tác khai thác chung trên biển Đông đó là đề xuất **“Hợp tác cùng phát triển”**. Đề xuất này được nêu ra bởi Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười trong chuyến thăm Thái Lan vào tháng 10-1993. Chủ trương này sau đó đã và đang được Việt Nam triển khai trên thực tế.

Khác với mô hình “Gác tranh chấp, cùng nhau khai thác” của Trung Quốc, mô hình “Hợp tác cùng phát triển” của Việt Nam triển khai trong các khu vực tranh chấp bao gồm các hoạt động hợp tác không chỉ trong lĩnh vực thăm dò, khai thác tài nguyên mà còn bao gồm các lĩnh vực khác như bảo vệ môi trường biển, nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, giữ gìn an toàn và an ninh hàng hải, chống cướp biển... và các lĩnh vực khác phù hợp với lợi ích của các bên liên quan. Mục tiêu của Việt Nam là thông qua quá trình “hợp tác cùng phát triển” trong khu vực biển Đông hướng tới đảm bảo và phục vụ lợi ích của các bên liên quan, biến biển Đông thành một khu vực hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững. Về nguyên tắc, theo mô hình đề ra, các bên tranh chấp phải tuân thủ các nguyên tắc được nêu trong Tuyên bố ASEAN - Trung Quốc năm 2002 về Cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC), Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS) và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế được thừa nhận rộng rãi. Trên cơ sở đó, mọi hoạt động của bất cứ bên nào tại các vùng biển của một quốc gia mà không có sự chấp thuận của quốc gia đó sẽ được coi là hành vi vi phạm chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia ven biển. Những hành động như vậy được coi là không có tinh thần hợp tác, dễ gây những căng thẳng trong khu vực, cần bị loại trừ.

²⁷ Mark J. Valencia - John M. Van Dyke - Noel A. Ludwig, Sdd, p. 87.

Theo quan điểm của Việt Nam, các khu vực có tranh chấp là những khu vực chồng lấn bởi những đòi hỏi chủ quyền của các bên liên quan, có căn cứ pháp lý và lịch sử phù hợp với quy định của luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước về Luật biển năm 1982 và được các bên thừa nhận là vùng có tranh chấp. Theo quan điểm này, trên biển Đông có các vùng đang có tranh chấp cơ bản là khu vực quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và khu vực ngoài 200 hải lý tính từ đường cơ sở của quốc gia ven biển. Ngoài ra còn có thể kể đến các vùng thềm lục địa ở phía Nam và Tây Nam Việt Nam cũng được coi là vùng chồng lấn được các bên thừa nhận những đòi hỏi chủ quyền của nhau giữa Việt Nam với Malaysia; giữa Việt Nam, Thái Lan và Malaysia hay tại vùng nước lịch sử giữa Việt Nam và Campuchia²⁸. Trong thời gian qua, việc triển khai mô hình “Hợp tác cùng phát triển” của Việt Nam đề ra được tiến hành khá thuận lợi do đã đáp ứng được các tiêu chí về việc xác định vùng thực sự có tranh chấp và được nhiều nước ủng hộ. Về cơ bản, chủ trương này của Việt Nam phù hợp với các nguyên tắc của Luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên Hợp Quốc, phù hợp với lợi ích của hoà bình, ổn định và hợp tác ở Đông Nam Á, khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên toàn thế giới so với các mô hình trên.

Thực tế hiện nay cho thấy, các cuộc đối đầu quân sự trong khu vực hẳn là điều mà các quốc gia tranh chấp trên biển Đông đều không muốn xảy ra. Vì thế, một giải pháp có tính chất hòa bình để giải quyết cuộc tranh chấp này là rất cần thiết. Tuy nhiên, trên biển Đông thì tình hình lại phức tạp và khó khăn hơn rất nhiều khi liên quan tới các vùng chồng lấn, các tuyên bố chủ quyền của nhiều quốc gia. Điều quan trọng nhất ở đây là chưa có một cơ chế giải quyết tranh chấp mang

tính bắt buộc điều chỉnh các tuyên bố chủ quyền. Và để tránh nguy cơ leo thang căng thẳng, các bên liên quan phải hành động theo Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển (UNCLOS-1982). Như vậy, cho tới thời điểm này vẫn chưa thấy một giải pháp hòa bình hiệu quả có thể giải quyết các khoảng cách quan điểm và tuyên bố chủ quyền giữa các nước liên quan. Các cơ chế giải quyết tranh chấp hiện nay đang rất yếu kém và điều này thể hiện khá rõ qua các diễn biến trên biển Đông.

3. Mô hình giải quyết xung đột ở biển Đông hiện nay từ góc nhìn Việt Nam

3.1. Vấn đề xung đột biển Đông phải giải quyết ở cơ chế đa phương

Trong bối cảnh xung đột ở biển Đông đang diễn biến hết sức phức tạp, tranh chấp biển Đông chỉ có thể giải quyết bằng đàm phán đa phương. Ngoại trừ Trung Quốc luôn phản đối giải quyết đa phương vấn đề Biển Đông vì yếu tố ở cơ sở pháp lý, thì hầu hết các nước đều cho rằng giải pháp đa phương cho vấn đề biển Đông là lựa chọn tối ưu nhất hiện nay.

Biển Đông là khu vực đan xen lợi ích của nhiều nước, nhiều bên, do vậy tranh chấp ở biển Đông luôn diễn biến phức tạp. Tại đây, vấn đề phân định vùng biển chồng lấn giữa hai nước với nhau là liên quan đến đàm phán song phương, còn lại hầu hết các vấn đề ở biển Đông liên quan đến nhiều quốc gia trong khu vực, như tranh chấp đối với Trường Sa liên quan trực tiếp đến Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei và Đài Loan. Giải pháp cho vấn đề Biển Đông liên quan trực tiếp đến hòa bình, ổn định khu vực và thương mại hàng hải của nhiều quốc gia có liên quan như Mỹ, Nhật, Ấn Độ, Úc, EU... vì đây là tuyến hàng hải nhộn nhịp thứ 2 trên thế giới, nối liền Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương. Do biển Đông liên quan đến lợi ích của nhiều nước, nhiều bên và cả các nước trong và ngoài khu vực như đã nêu ở trên, chỉ có giải pháp

²⁸ Xem Hoàng Việt, Tài liệu đã dẫn. http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai19/201019_HoangViet.htm

đa phương với sự tham gia của tất cả các nước có lợi ích thì mới là giải pháp công bằng và mới có thể là giải pháp lâu dài được các bên chấp nhận. Về cơ bản, ngoại trừ Trung Quốc, các nước đều đồng tình với việc giải quyết vấn đề biển Đông bằng cơ chế đa phương. Các nước Ấn Độ, Nhật và cả EU đều ủng hộ cho việc giải quyết hòa bình tranh chấp ở biển Đông theo hướng đa phương trên cơ sở luật pháp quốc tế nhất là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982. Các chuyên gia, học giả trên thế giới cũng đều cho rằng cần một giải pháp đa phương cho các tranh chấp ở biển Đông²⁹.

Bên cạnh đó, với những hành động gây căng thẳng của Trung Quốc ở biển Đông thời gian gần đây, thì việc dùng cơ chế đa phương mới có thể kiềm chế những hành động này của Trung Quốc. Có thể thấy, các nước trong khu vực đều là nước nhỏ, không thể đơn phương chống lại được với Trung Quốc mà rất cần có sự hỗ trợ của các cường quốc có uy tín như Mỹ, Nhật, Ấn Độ, Nga. Trong quá trình hợp tác để giải quyết vấn đề biển Đông, Trung Quốc hiểu rằng, trong đàm phán song phương, Trung Quốc có thể dùng sức mạnh nước lớn của mình để gây sức ép đòi hỏi đối phương chấp nhận phương án của mình. Nếu đàm phán đa phương thì Trung Quốc không thể dùng thế nước lớn của mình để bắt nạt cả một tập thể các nước có liên quan. Hơn nữa, nếu có sự tham gia của các nước lớn như Mỹ, Nhật, Ấn Độ, Nga thì Trung Quốc cũng phải cân nhắc “lợi ích chung” của các bên. Trong bối cảnh Trung Quốc đang ngày càng đẩy mạnh các hoạt động gây hấn ở biển Đông, thì giải pháp đa phương trong đàm phán cho các tranh chấp ở biển Đông càng trở nên cần thiết.

Việc Trung Quốc ký kết Thỏa thuận những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên

biển với Việt Nam vào tháng 10-2011 được xem là một văn bản Trung Quốc thừa nhận việc giải quyết đa phương vấn đề biển Đông. Trong Điều 3 Thỏa thuận hai bên đã nhất trí một nội dung là “đối với tranh chấp trên biển giữa Việt Nam - Trung Quốc, hai bên giải quyết thông qua đàm phán và hiệp thương hữu nghị. Nếu tranh chấp liên quan đến các nước khác, thì sẽ hiệp thương với các bên tranh chấp khác”³⁰. Điều này có nghĩa là Trung Quốc đã chấp nhận việc giải quyết đa phương vấn đề biển Đông. Đây là lần đầu tiên Trung Quốc ký kết một văn bản chính thức trong đó cam kết những vấn đề liên quan đến các nước khác thì phải trao đổi với các bên liên quan. Đây được xem là một tín hiệu tích cực, mở ra khả năng về giải quyết đa phương tranh chấp ở biển Đông. Nhìn chung, giải pháp đa phương cho vấn đề Biển Đông phản ánh được lợi ích của tất cả các bên liên quan và góp phần duy trì hòa bình, ổn định, bảo đảm an ninh an toàn hàng hải ở biển Đông. Điều này phù hợp với quan điểm chung của các nước trong và ngoài khu vực, phù hợp với thực tế tranh chấp ở biển Đông và phù hợp với xu thế giải quyết các tranh chấp liên quan đến nhiều bên trong quan hệ quốc tế hiện đại.

3.2. Phát huy tích cực vai trò của các thể chế khu vực làm cơ sở để có thể giải quyết vấn đề biển Đông theo cơ chế đa phương

Có thể thấy, khu vực Đông Nam Á nằm trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương rộng lớn là bên khởi xướng, tham gia vô số những thể chế có liên quan đến an ninh biển. Nổi bật và nằm trung tâm trong các thể chế này là vai trò của ASEAN và các thể chế có liên quan như Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) và kể từ năm 2006 đến nay còn có sự xuất hiện cần thiết của Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng

²⁹ Xem thêm Lê Thành, “giải quyết đa phương vấn đề biển Đông”. <http://biendong.net/binh-luan/730-gii-quyet-a-phng-vn--bin-ong.html>

³⁰ Hữu Nguyên, “Nguyên tắc cho hòa bình trên Biển Đông”. <http://daidoanket.vn/index.aspx?Menu=1384&chitiet=40723&Style=1>

(ADMM+). Bên cạnh đó, ASEAN còn thiết lập Diễn đàn hàng hải ASEAN để thảo luận các chiến lược quản lý biển và đối phó với các vấn đề nhức nhối đang diễn ra như nạn cướp biển, khủng bố, buôn lậu. Ngoài ra còn có một loạt các cơ chế khác như Diễn đàn lực lượng phòng vệ biển Bắc Thái Bình Dương; Hội nghị những người đứng đầu Cảnh sát biển các nước châu Á (HACGAM); Hiệp định Kiểm soát Cảng biển khu vực **Thái Bình Dương** (thuộc Tổ chức Hàng hải quốc tế); Hiệp định Tìm kiếm Cứu nạn trên biển khu vực Bắc Thái Bình Dương; Diễn đàn An ninh hàng hải Bắc Thái Bình Dương; Hiệp định Hợp tác khu vực chống cướp biển và hoạt động vũ trang chống lại tàu thuyền (ReCAAP)...

Các thể chế hiện tại, đặc biệt là những tổ chức có dấu ấn của ASEAN như ARF phải được xây dựng theo hướng là một cơ chế an ninh tập thể mang tính mở, thu hút được tất cả các nước lớn có lợi ích quốc gia ở vùng biển này nhằm đảm bảo thực hiện “cân bằng quyền lực được thể chế hóa” (institutionalized balancing)³¹. Đây sẽ là sự bổ sung thiết yếu cho Cộng đồng An ninh ASEAN nói riêng, cũng như toàn bộ kết cấu an ninh Đông Á lấy ASEAN làm hạt nhân nói chung, góp phần quản trị quyền lực, loại trừ nguy cơ xung đột, tăng cường hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển tại khu vực. Việc phát huy tốt vai trò của những thể chế đa phương này, đặc biệt là sự tham gia của các nước lớn sẽ làm giảm sự “hung hăng” của Trung Quốc, qua đó góp phần to lớn trong việc giải quyết những xung đột hiện tại ở biển Đông.

3.3. Tích cực xây dựng lòng tin, thúc đẩy việc xây dựng bộ Quy tắc ứng xử biển Đông (COC) làm cơ sở nền tảng cho việc giải quyết xung đột biển Đông

Thực tế cho thấy, việc thiếu vắng những thỏa thuận trong khu vực về sự lựa chọn các chính sách cũng như một cơ chế để giảm nhẹ và làm dịu bớt xung đột sẽ khiến khu vực biển có tính quan trọng chiến lược này sẽ tiếp tục nằm trong trạng thái bất ổn. Trong tình hình hiện tại, các nước cần phải tăng nỗ lực thúc đẩy việc khai thác dầu khí và nguồn lợi thủy sản chung, đồng thời tìm cách thông qua được quy tắc ứng xử có ràng buộc pháp lý rõ ràng cho tất cả các bên liên quan. Thực tế cho thấy, sự hợp tác để quản lý tài nguyên trong khu vực tranh chấp cũng có thể giúp giảm căng thẳng giữa các bên yêu sách. Bên cạnh đó, tăng cường xây dựng lòng tin mạnh mẽ hơn nữa, trong đó có vai trò trước mắt của DOC và tương lai gần là COC. Dù là quá trình giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo hay hợp tác đối phó với các thách thức chung như nạn cướp biển, gian lận thương mại, bảo vệ các nguồn lợi đại dương các bên liên quan đều cần xuất phát từ cơ sở lòng tin đối với nhau. Thực tế, do yếu tố lịch sử và điều kiện đặc thù, khu vực Đông Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng vẫn tiếp tục cần nhiều biện pháp xây dựng lòng tin mạnh mẽ hơn nữa không chỉ trong tổng thể quan hệ đối với nhau mà còn cả những vấn đề cụ thể như hợp tác an ninh hàng hải.

Trong thời gian tới, các quy tắc ứng xử cần được thể chế hóa ở mức độ cao hơn, trở thành chuẩn mực bắt buộc cho tất cả các “cổ đông” ở biển Đông, làm nền tảng cho việc hình thành một Liên minh, Cộng đồng hay Ủy hội biển Đông. Điều này góp phần khắc phục được sự lỏng lẻo thiếu hiệu quả của các diễn đàn an ninh hay nhóm đối thoại, nhưng đồng thời lại có lợi thế là không đòi hỏi sự tham gia ngay từ đầu của tất cả các bên như các cam kết về ứng xử, mà từng bước gia tăng sức nặng của mình, cho phép dung hòa được “2 trong 1” phương châm “gác lại tranh chấp, cùng nhau khai thác” và quan điểm đa

³¹ Chales A. Kupchan, “Clifford A. Kupchan. The Promise of Collective Security”, *International Security*, Vol. 20, No. 1, Summer (1995), pp. 52-61.

phương hóa - quốc tế hóa hiện vẫn đối chọi nhau³². Do vậy, sắp tới cần phải có biện pháp xây dựng lòng tin, có quy tắc hướng dẫn và những cam kết bảo đảm tuân thủ luật pháp quốc tế và UNCLOS 1982 thì mới có thể tiến hành hợp tác trên thực tế. Xây dựng lòng tin là phải giải quyết hòa bình các tranh chấp, tuân thủ luật pháp quốc tế và không làm phức tạp thêm tình hình, trong đó hợp tác trên một số lĩnh vực không phức tạp và ít nhạy cảm như biến đổi khí hậu, môi trường biển được xem là ưu tiên trước mắt.

3.4. Lựa chọn cho Việt Nam

Có thể nói, Việt Nam trong một tư thế đặc biệt, vừa ảnh hưởng lợi ích trực tiếp, vừa có thể đóng vai trò thúc đẩy hay hạn chế ở mức độ tương đối những xung đột ở biển Đông. Việc thúc đẩy hợp tác mà nền tảng bền vững vừa dựa trên lợi ích nhưng cũng vừa phải vượt trên các yếu tố lợi ích được xem là một hướng mở cho Việt Nam. Cho đến nay, một “cơ chế cứng” ở dạng liên minh quân sự, theo đó, các nước ràng buộc với nhau bằng một cam kết bảo vệ an ninh lẫn nhau nhằm chống lại một đe dọa đến từ phe thứ ba giống như thời kỳ Chiến tranh lạnh không phải là lựa chọn của Việt Nam. Trong khi đó, một “cơ chế mềm” được thể hiện qua hình thức đối thoại chiến lược về an ninh - quốc phòng hay các mô thức hợp tác hải quân giữa Việt Nam với các nước Mỹ và Ấn Độ thời gian gần đây được xem là khả thi hơn cả. Phát triển song phương trong mối quan hệ đối tác chiến lược, mở rộng đa phương trong việc thiết lập khung cơ chế an ninh tập thể, chủ yếu ở sân chơi của ASEAN sao cho lợi ích của hai bên thuận chiều là một hướng xử lý của Việt Nam trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn tiếp tục thúc đẩy việc thực hiện mô hình “*Hợp tác cùng phát triển*” do mình đề xuất trong việc mở rộng hợp tác với các nước trong khu vực, đặc biệt là các

quốc gia trong các khu vực tranh chấp trên cơ sở phù hợp với lợi ích của các bên liên quan phải tuân thủ các nguyên tắc được nêu trong Tuyên bố ASEAN - Trung Quốc năm 2002 về Cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC), Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS) và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế được thừa nhận rộng rãi. Thực hiện tốt nội dung này, Việt Nam sẽ nhận được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế và khu vực, qua đó góp phần biến biển Đông thành một khu vực hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, việc xây dựng một định chế chung về hồ sơ biển Đông giữa các nước ASEAN, việc xây dựng bộ Quy tắc ứng xử trên biển Đông (COC) cũng là bước đi ngoại giao quan trọng mà Việt Nam cần ủng hộ. Đây thực sự là những bước đi cần thiết giúp Việt Nam có được những điều kiện thuận lợi lồng ghép được lợi ích của quốc gia vào lợi ích chung của khu vực, qua đó làm giảm nguy cơ phải trực tiếp đối đầu với Trung Quốc.

Và tất nhiên, một vấn đề quan trọng hàng đầu Việt Nam cần chú ý đó là phải đầu tư xây dựng cho mình một thực lực mạnh về kinh tế, quốc phòng, hội tụ được nội lực của toàn dân và tạo dựng vị thế quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa “việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại”. Đây được xem là con đường quan trọng để bảo vệ được chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trong thời gian tới.

³² Đặng Xuân Thanh, Tài liệu đã dẫn, tr. 155.

Cooperation to settle conflicts in the East Sea - some suggestions from Vietnam's perspective

• **Tran Nam Tien**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Sovereignty disputes in the East Sea keep the record of time, complexity, distance, number of islands and number of claimants in the history of maritime disputes. The innovative models of bilateral and multilateral cooperation have had a certain effect on reducing tensions, enhancing cooperation and encouraging dialogues among the parties involved. However, these efforts have not been considered effective to settle the issues. Concerning that reality, countries around the East Sea, especially the claimants have continued to find, develop and implement collaborative activities. From

such awareness, this paper aims at studying the collaborative models which have been applied in the East Sea. Then, we would continue to study the advantages and disadvantages of these models. Finally, we would like to propose new suitable models to enhance effective cooperation and avoid conflicts and painful consequences that may occur in the East Sea. All models are built up from the perspective of Vietnam, basing on the fundamental interests of Vietnam, along with the investigation and reconciliation of the claimants' interests in the region.

Keywords: East Sea, conflict, cooperation.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đặng Đình Quý (chủ biên), *Biển Đông: Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2010.
- [2]. Đặng Đình Quý (chủ biên), *Biển Đông hướng tới một khu vực hòa bình, an ninh và hợp tác*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2011.
- [3]. Đặng Xuân Thanh, Tình huống chiến lược Biển Đông, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 3 (86), 2011.
- [4]. Đỗ Thanh Hải - Nguyễn Thùy Linh, Chính sách của Trung Quốc đối với tranh chấp Biển Đông từ năm 2007 đến nay, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 3 (84), 2011.
- [5]. Hoàng Khắc Nam, “Hệ thống xung đột quốc tế ở Biển Đông: Thực trạng và triển vọng”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 6 (118), 2011.
- [6]. Hoàng Việt, Giải pháp nào cho tranh chấp biển Đông?, *Tạp chí Thời đại mới*, số 19, 7-2010.
[Http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai19/201019_HoangViet.htm](http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai19/201019_HoangViet.htm)

- [7]. Nhiều tác giả, *Xung đột trên biển Đông không còn là nguy cơ tiềm ẩn*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2012.
- [8]. Patrick M. Cronin (ed.), *Cooperation from Strength: The United States, China and the South China Sea*, Center for a New American Security, New York, 2012.
- [9]. Ralf Emmers, “*Maritime disputes in the South China Sea Strategic and diplomatic status quo*”, in *Maritime Security in Southeast Asia*, Routledge Security in Asia Series, 2007.
- [10]. Trần Khánh, “Tranh chấp Biển Đông nhìn từ góc độ chính trị”. [Http://biendong.net/tu-lieu/ngghien-cuu-viet-nam/746-tranh-chp-bin-ong-nhin-t-goc-chinh-tr.html](http://biendong.net/tu-lieu/ngghien-cuu-viet-nam/746-tranh-chp-bin-ong-nhin-t-goc-chinh-tr.html)